

Giám đốc Sở Giáo dục, các ông Trưởng ty Giáo dục và các ông Hiệu trưởng Trường trung học sư phạm bồi dưỡng phải thực hiện thật nghiêm túc các điều quy định trong bản quyết định số 177-QĐ và những điểm quy định trong bản hướng dẫn này.

Hà-nội, ngày 10 tháng 3 năm 1972

K.T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Thứ trưởng

LÊ LIÊM

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 7-BYT/TT ngày 8-3-1972 hướng dẫn việc tính thời gian công tác cho những người làm việc ở các cơ sở y tế đã được quốc lập hóa, đề giải quyết các chế độ về bảo hiểm xa hội.

Từ sau ngày hòa bình lập lại 20 tháng 7 năm 1954, Chính phủ ta vào tiếp quản các thành phố, thị xã, đã đặt các tổ chức và cơ sở y tế để phục vụ sức khỏe nhân dân. Ngoài các tổ chức y tế của Nhà nước, lúc đó ở các thành phố và thị xã còn có các tổ chức y tế dân lập, các nhà thương tư, hộ sinh tư do tư nhân quản lý, trong các tổ chức này ngoài những chủ tư nhân còn có những nhân viên y tế làm công ăn lương. Năm 1958, Đảng và Chính phủ ta có chủ trương cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, thì các tổ chức này dần dần được quốc lập hóa do Nhà nước quản lý về mọi mặt.

Đề giải quyết chế độ đãi ngộ đối với nhân viên y tế nói trên, sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Nội vụ (công văn số 150-HT ngày 15-1-1972) Bộ Y tế ra thông tư này nhằm hướng dẫn việc tính thời gian công tác cho những người làm việc ở các cơ sở y tế đã được quốc lập hóa, đề giải quyết các chế độ ốm đau, thôi việc, về hưu, mất sức lao động, như sau :

I. VỀ TÍNH THỜI GIAN CÔNG TÁC

Có 2 loại được tính thời gian công tác : thời gian công tác nói chung và thời gian công tác liên tục.

1. Được tính thời gian công tác nói chung : là thời gian làm công ăn lương ở các cơ sở y tế (công sở hay tư sở dưới chế độ cũ trước Cách mạng tháng 8-1945 hay ở vùng tạm bị chiếm trong thời gian kháng chiến chống Pháp và thời gian làm việc ở các cơ sở y tế dân lập thuộc các thành phố, thị xã trong kháng chiến chống Pháp và sau ngày hòa bình lập lại ; trừ thời gian làm chủ các bệnh viện tư, hay chủ các nhà hộ sinh tư thì không được tính là thời gian công tác.

2. Được tính thời gian công tác liên tục : là thời gian kể từ ngày các cơ sở y tế dân lập được chuyển sang quốc lập, dù khi đó họ chưa được chính thức tuyên dụng vào biên chế Nhà nước.

Ví dụ 1 : một nữ hộ sinh có thời gian làm việc dưới chế độ cũ ở Bệnh viện Bạch-mai từ tháng 8-1943 đến tháng 8-1945 ; từ tháng 9-1945 đến hết tháng 12-1947 nghỉ về quê ở nông thôn từ tháng 1-1948 đến ngày 10-10-1954 làm việc ở nhà hộ sinh Trần Xuân Soạn (Hà-nội), sau khi Chính phủ ta vào tiếp quản thì vẫn tiếp tục làm việc ở nhà hộ sinh Trần Xuân Soạn cho đến tháng 10-1959 thì nhà hộ sinh này được Nhà nước quốc lập hóa và liên tục công tác từ đó cho đến nay (tháng 12-1971) được tính thời gian công tác như sau :

a) Thời gian công tác nói chung được tính kể từ tháng 8-1943 cho đến tháng 12-1971 tổng cộng là 26 năm, trừ thời gian nghỉ từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1947.

b) Thời gian công tác liên tục, được tính kể từ tháng 10-1959 đến tháng 12-1971 tổng cộng là 12 năm 4 tháng.

Ví dụ 2 : Một nhân viên y tế làm việc ở nhà hộ sinh Ngô Quyền (Hà-nội) từ tháng 10-1954 liên tục công tác đến tháng 10-1959 (ngày Nhà nước quốc lập hóa nhà hộ sinh Ngô Quyền) và cho đến nay, thời gian công tác được tính như sau :

— Thời gian công tác nói chung được tính từ tháng 10-1954 cho đến nay;

— Thời gian công tác liên tục được tính từ tháng 10-1959 cho đến nay.

Ví dụ 3 : Một nữ hộ sinh làm việc ở một nhà hộ sinh dân lập đã chuyển sang quốc lập từ 1-1-1960. Nhưng đến ngày 1-1-1968 mới được tuyển dụng chính thức vào biên chế Nhà nước và làm việc liên tục cho đến nay, thì thời gian công tác liên tục tính từ ngày 1-1-1960 cho đến nay.

II. CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Những người đã có đủ điều kiện nói ở mục I về thời gian công tác (có đủ thời gian công tác liên tục từ 5 năm trở lên, có đủ thời gian công tác nói chung 25 năm trở lên), dù chưa được tuyển dụng chính thức vào biên chế Nhà nước, nếu đã đến tuổi về nghỉ (nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi) đều được hưởng chế độ về hưu, theo quy định hiện hành của điều lệ bảo hiểm xã hội.

2. Đối với trường hợp về nghỉ vì mất sức lao động thì phải có thời gian công tác liên tục là 5 năm (dù chưa được tuyển dụng chính thức) còn các điều kiện về tuổi, về sức khỏe áp dụng theo quy định hiện hành.

3. Những người tuy có đủ điều kiện về thời gian công tác, về tuổi và sức khỏe, nhưng lý lịch không tốt, không rõ ràng, không đủ điều kiện về chính trị để tuyển dụng thì không áp dụng chế độ về hưu, hoặc mất sức lao động mà áp dụng chế độ trợ cấp thôi việc (trợ cấp một lần) theo quy định hiện hành.

4. Đối với những người đã được chính thức tuyển dụng và đã được về hưu hoặc thôi việc vì mất sức lao động, hoặc thôi việc trợ cấp một lần (kể từ ngày ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội cho đến ngày nghỉ việc). Nếu khi về nghỉ việc, thời gian công tác chưa được tính như đã quy định ở mục I nói trên, thì nay được điều chỉnh lại và được hưởng trợ cấp theo tỷ lệ mới kể từ ngày có quyết định điều chỉnh.

Ví dụ 1 : Một nữ hộ sinh A vào làm việc ở cơ quan y tế dân lập vừa chuyển sang quốc lập

ngày 10-10-1959 nhưng đến ngày 10-10-1965 mới được tuyển dụng chính thức cho đến ngày 10-10-1970 thì được về nghỉ vì mất sức lao động lúc đó tính thời gian công tác liên tục là 5 năm và tỷ lệ trợ cấp là 35% lương chính. Nay được tính và điều chỉnh lại như sau :

Thời gian công tác liên tục là 11 năm,

Tỷ lệ trợ cấp hàng tháng là 42% lương chính.

Nếu có đủ thời gian công tác nói chung và đủ điều kiện về tuổi thì được chuyển sang hưởng chế độ hưu trí và được tính :

Thời gian công tác liên tục là 11 năm,

Tỷ lệ trợ cấp hàng tháng là 52% lương chính.

Ví dụ 2 : Một nữ hộ sinh B vào làm việc ở cơ quan y tế vừa chuyển sang quốc lập ngày 10-10-1959 nhưng đến ngày 10-10-1966 mới được tuyển dụng chính thức, cho đến ngày 10-10-1970 thì về thôi việc mà hưởng trợ cấp một lần, tính trên cơ sở 4 năm công tác liên tục. Nay được tính lại như sau :

Thời gian công tác liên tục là 11 năm. Nếu có điều kiện về tuổi hoặc về thời gian công tác nói chung thì tùy trường hợp cụ thể của mỗi người mà chuyển sang cho hưởng chế độ về hưu hoặc mất sức lao động và tính trợ cấp hàng tháng như ví dụ 1 nói trên.

5. Đối với những người hiện nay chưa đến tuổi về nghỉ còn tiếp tục làm việc thì cần đưa họ vào biên chế như điều lệ tuyển dụng và cho thôi việc đã quy định và giải quyết các chế độ theo quy định hiện hành.

6. Khi đã xác định lại thời gian công tác liên tục thì đồng thời cũng áp dụng trợ cấp khi ốm đau, nằm bệnh viện theo quy định hiện hành như đối với công nhân, viên chức Nhà nước.

III. MỘT SỐ ĐIỂM CHÚ Ý KHI THI HÀNH

1. Khi nhận được thông tư này các đơn vị cần tiến hành phổ biến đến tận cơ sở, làm đầy đủ các thủ tục và giải quyết kịp thời. Nếu có những trường hợp về thời gian công tác chưa xác định được rõ ràng thì giải quyết bằng cách :

Phần nào đã rõ ràng thì công nhận và ra quyết định trước, phần nào chưa rõ ràng thì điều tra nghiên cứu thêm đề giải quyết sau.

2. Mức lương đề tính tỷ lệ trợ cấp khi về hưu hoặc về mất sức lao động là mức lương chính đang hưởng hiện nay. Nếu có trường hợp khi làm việc theo chế độ dân lập hoặc hợp đồng lương cao hơn khi tuyên dụng chính thức, thì cơ quan cần xét quá trình công tác của mỗi người và quan hệ chung đề xếp lại cho hợp lý. Những người đã về nghỉ trước ngày ban hành thông tư này thì không đặt vấn đề xếp lại lương, vẫn giữ mức lương cũ làm cơ sở đề tính trợ cấp theo tỷ lệ mới, trừ những người thuộc diện nói trong thông tư số 84-TTg ngày 20-8-1963 của Thủ tướng Chính phủ mà mức lương khi về quá thấp thể hiện bất hợp lý rõ rệt thì cơ quan xét, báo cáo lên trên đề giải quyết lại lương cho hợp lý.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trong khi thực hiện các cơ quan đơn vị thấy có gì khó khăn mắc mưu xin phản ánh về Bộ Y tế đề nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội, ngày 8 tháng 3 năm 1972

Quyền Bộ trưởng Bộ Y tế
Bác sĩ VŨ VĂN CĂN

QUYẾT ĐỊNH số 37-BYT/QĐ ngày 29-1-1972 ban hành 5 tiêu chuẩn ngành y tế *

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ vào nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt ban hành và quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp;

Căn cứ vào thông tư số 3-BYT/TT ngày 13-1-1965 của Bộ Y tế hướng dẫn áp dụng nghị định số 123-CP của Hội đồng Chính phủ trong ngành y tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Ban hành tiêu chuẩn ngành y tế về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử các sản phẩm sau đây :

1. Philatôp tiem	36 TCN	215-71
2. Xirô Benzô	36 TCN	216-71
3. Xirô Brocan	36 TCN	217-71
4. Côm Canxi	36 TCN	218-71
5. Xirô Broma	36 TCN	219-71

Điều 2. — Tiêu chuẩn ngành này được ban hành để chính thức áp dụng và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1972.

Điều 3. — Các cơ quan sản xuất, phân phối, sử dụng, huấn luyện, kiểm nghiệm có nhiệm vụ thi hành các tiêu chuẩn này trong hoạt động của mình.

Điều 4. — Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Dược chính, Vụ trưởng Vụ Quản lý dược, Cục trưởng Cục Phòng bệnh, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Đào tạo, Cục trưởng Cục Vật tư và xây dựng cơ bản, ông Giám đốc Tổng công ty Dược chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 19 tháng 1 năm 1972

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế

Thứ trưởng

Dược sĩ VŨ CÔNG THUYẾT

ỦY BAN NÔNG NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

THÔNG TƯ số 6-NN/TL/TT ngày 18-3-1972 hướng dẫn thi hành chế độ phụ cấp thâm niên đặc biệt cho công nhân, viên chức thuộc các đội khảo sát, đo đạc thổ nhưỡng, quy hoạch vùng nông nghiệp thuộc Ủy ban Nông nghiệp trung ương.

Năm 1960 trong việc cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương, Chính phủ đã có quyết định đặt một khoản phụ cấp thâm niên cho một số ngành

Tiêu chuẩn cụ thể không in vào công báo.